

Bản án số: 27/2018/HSST
Ngày 16 - 8- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thái
2. Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 9 năm 1961 tại Yên Bình, Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Đào Thị N đã chết); Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 và 03 con (Lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1990); Tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 1982 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” (Đã được xóa án tích). Hiện đang tại ngoại tại thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái (Theo quyết định về việc bảo lãnh số 05/2018/QĐ -TA ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình). Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Bùi Quốc H– sinh năm 1970 - Nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991- Nơi cư trú: Thôn Cầu 17, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992 - Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 - Nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Y tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Chị Trần Thị N, sinh năm 1985 - Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

5. Anh Lỗ Xuân V, sinh năm 1980 - Nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 6/2017, Nguyễn Văn M đã thỏa thuận bán cho chị Trần Thị N khoảng 700 quả bưởi tại vườn của gia đình M (Thôn Đ, xã M, huyện Y) với giá là 7.500.000 đồng. Đến ngày 08/6/2017, anh Lỗ Xuân V (là chồng của chị N) đến nhà M để làm hợp đồng mua bán bưởi nhưng M không ở nhà nên anh V đã làm hợp đồng với chị Nguyễn Thị V (là con dâu của M) như đã thỏa thuận với M trước đó. Anh V đưa trước số tiền là 3.500.000 đồng để đặt cọc, số tiền còn lại 4.000.000 đồng hẹn đến khi nào thu hái bưởi sẽ thanh toán nốt. Sau đó, chị V đã nói lại việc đã làm hợp đồng mua bán bưởi theo thỏa thuận giữa M và chị N cho Nguyễn Văn M biết.

Ngày 22/7/2017, ông Bùi Quốc H đến nhà M hỏi mua bưởi, lúc này M nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông H nên M bảo với ông H là chưa bán vườn bưởi cho ai. Nguyễn Văn M đã chỉ cho ông H số bưởi trong vườn nhà M (đã bán cho chị N, anh V) và số bưởi trong vườn bưởi cạnh nhà M (là của ông Nguyễn Văn L - em trai của M). Hai bên cùng đếm số lượng được khoảng 4.500 quả, M đã làm hợp đồng mua bán số bưởi trên cho ông H với giá là 32.000.000 đồng. Nguyễn Văn M đã nhận đủ số tiền và viết giấy biên nhận bán bưởi cho ông H, có sự làm chứng của anh Nguyễn Ngọc S.

Đến ngày 19/10/2017 ông Bùi Quốc H đến nhà M để thu hái bưởi thì thấy vườn bưởi phía trước nhà M đã bị thu hoạch hết. Sau đó, ông H tìm hiểu thì được biết trước khi bán bưởi cho mình thì Nguyễn Văn M đã bán cho chị N, anh V còn vườn bưởi bên cạnh theo chỉ dẫn của M là của ông Nguyễn Văn L. Vì vậy, ông H đã tố giác Nguyễn Văn M với Cơ quan Công an.

Sau khi, Nguyễn Văn M lấy được tiền của ông Bùi Quốc H đã bỏ đi khỏi địa phương và đến ngày 17/4/2018 đến Cơ quan công an để đầu thú.

Cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 13/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình đã truy tố Nguyễn Văn M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách. Về án phí tuyên theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân như đã nêu trên, không có ý kiến tranh luận gì, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc thu thập các tài liệu, chứng cứ của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã đầy đủ, khách quan, hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn M tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/7/2017 tại thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái, bị cáo Nguyễn Văn M đã dùng thủ đoạn gian dối bằng việc nói với ông Bùi Quốc H chưa bán vườn bưởi của gia đình bị cáo cho ai (mà trước đó đã bán cho chị N, anh V) đồng thời chỉ cả vườn bưởi không thuộc quyền sở hữu của mình để thỏa thuận bán bưởi cho ông H, chiếm đoạt của ông Bùi Quốc H số tiền 32.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (áp dụng Bộ luật hình sự có hiệu lực tại thời điểm phạm tội). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố tình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xử lý trước pháp luật là cần thiết, cần có hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục bị cáo nói riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại; khi biết bị tố cáo đến cơ quan pháp luật, bị cáo đã ra đầu thú; người bị hại rút đơn đề nghị xử lý hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2

Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Ngày 27/8/1982 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” cho hưởng án treo (đã được xóa án tích).

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo tự rèn luyện, giáo dục tại cộng đồng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại là ông Bùi Quốc H số tiền 32.000.000 đồng, ông Bùi Quốc H xác nhận đã nhận đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp;
- VKS Yên Bình;
- Công an Yên Bình;
- THADS Yên Bình;
- Bị cáo; người bị hại;
- UBND xã M;
- Lưu HS, THA, TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga

